

INVESTIGATION OF MEDICAL PLANTS USED TO TREAT KIDNEY - RELATED DISEASES BELONGING TO EXPERIENCES OF ETHNIC COMMUNITIES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Le Thi Thanh Huong*, Pham Thi Lan Hue

TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 30/5/2021</p> <p>Revised: 11/7/2021</p> <p>Published: 16/7/2021</p>	<p>Indigenous medical experience is a cultural feature of ethnic minorities, making an important contribution to the care and protection of the health of ethnic minorities. In this study, we have investigated and classified herbs as well as remedies used by ethnic communities in Thai Nguyen province to treat kidney-related diseases. The obtained results showed that there are a total of 157 species of plants belonging to 126 genera, 71 families of 5 phyla of higher vascular plants that are used as medicine for kidney diseases, mainly in the Rubiaceae, Euphorbiaceae, Poaceae, Fabaceae, Moraceae families and <i>Ficus</i>, <i>Alocasia</i>, <i>Morinda</i>, <i>Pandanus</i>, <i>Rubus</i> genera. This study also investigated and enumerated 20 herbal remedies of ethnic communities in Thai Nguyen province used to treat kidney-related diseases such as renal insufficiency, glomerular nephritis, renal edema and some other nephropathy. The results of the study provide data for preserving the diversity of medicinal plant species as well as preserving the valuable experiences of ethnic community in disease treatment.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Medicinal plants</p> <p>Nephropathy</p> <p>Ethnic community</p> <p>Indigenous medical experience</p> <p>Thai Nguyen</p>	

ĐIỀU TRA THỰC VẬT SỬ DỤNG LÀM THUỐC CHỮA BỆNH VỀ THẬN THEO KINH NGHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Thanh Hương*, Phạm Thị Lan Huệ

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 30/5/2021</p> <p>Ngày hoàn thiện: 11/7/2021</p> <p>Ngày đăng: 16/7/2021</p>	<p>Kinh nghiệm y học bản địa là nét văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, đóng góp quan trọng vào việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành điều tra, phân loại các loài thảo dược cũng như bài thuốc được cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên sử dụng để điều trị các bệnh liên quan tới thận. Kết quả thu được cho thấy, có tổng cộng 157 loài thực vật thuộc 126 chi, 71 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch có công dụng làm thuốc chữa bệnh về thận, trong đó tập trung chủ yếu ở các họ Rubiaceae, Euphorbiaceae, Poaceae, Fabaceae, Moraceae và các chi <i>Ficus</i>, <i>Alocasia</i>, <i>Morinda</i>, <i>Pandanus</i>, <i>Rubus</i>. Nghiên cứu này cũng điều tra và thống kê được 20 bài thuốc của cộng đồng các dân tộc tại tỉnh Thái Nguyên được sử dụng để chữa các bệnh liên quan tới thận như suy thận, viêm cầu thận, phù thận và một số bệnh thận khác. Kết quả của nghiên cứu cung cấp dữ liệu phục vụ cho bảo tồn tính đa dạng của các loài cây thuốc cũng như bảo tồn kinh nghiệm quý báu của đồng bào dân tộc trong điều trị bệnh.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Cây thuốc</p> <p>Bệnh thận</p> <p>Cộng đồng dân tộc</p> <p>Kinh nghiệm y học bản địa</p> <p>Thái Nguyên</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4563>

* Corresponding author. Email: huonglth@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Kinh nghiệm y học bản địa đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Sự lưu truyền những bài thuốc, cây thuốc từ đời này sang đời khác đã giúp cho cộng đồng các dân tộc tự chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng mình trong hoàn cảnh không hoặc ít được tiếp cận với y học hiện đại. Kinh nghiệm về y học dân tộc vẫn đang được lưu truyền ở các cộng đồng dân tộc tại nhiều quốc gia khác nhau như người Yi, người Maonan, người Zhuang, Miao, người Yao và người She ở Trung Quốc [1], [2], [3] người Magar và Majhi ở Nepal [4], người Kuki-Chin ở Bangladesh, Ấn Độ và Myanmar [5]. Thêm vào đó, giáo dục về bảo tồn và giữ gìn kinh nghiệm y học bản địa đã được một số quốc gia đặc biệt quan tâm [6], [7]. Tại Việt Nam, kinh nghiệm sử dụng thảo dược trong điều trị, chăm sóc sức khỏe được nhiều cộng đồng các dân tộc lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Từ người Mông sống trên núi cao ở vùng núi phía Bắc cho tới Người Vân Kiều tại Tây Nguyên [8], [9], hay người Khme ở Nam Bộ [10]. Mỗi cộng đồng dân tộc lại lưu giữ những nét đặc sắc riêng biệt trong kinh nghiệm sử dụng cây thuốc và bài thuốc để chữa bệnh. Tại Thái Nguyên, nơi có nhiều đồng bào dân tộc cùng sinh sống, trong các nghiên cứu trước đây, chúng tôi đã đề cập tới kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của người dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Chí, Sán Dìu [11]-[15]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành điều tra và nghiên cứu các cây thuốc và bài thuốc được đồng bào các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên sử dụng để điều trị các bệnh về thận, nhằm góp phần vào việc bảo tồn những tri thức quý báu của người dân bản địa.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Các loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh về thận theo kinh nghiệm của cộng đồng các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay ở các huyện Đồng Hỷ (xã Hợp Tiến, xã Nam Hòa); huyện Võ Nhai (xã Liên minh, xã Phú Thượng, xã Bình Long); huyện Đại Từ (xã Quân Chu, xã Hoàng Nông, xã Khôi Kỳ); huyện Phú Lương (xã Tứ Tranh); huyện Định Hóa (xã Điềm Mặc) của tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp kế thừa

Kế thừa những kinh nghiệm sử dụng thuốc để chữa các bệnh về thận của các ông lang, bà mẹ tại các khu vực nghiên cứu và các công trình nghiên cứu khoa học trước đây về cây thuốc liên quan đến bệnh thận.

2.2.2. Phương pháp điều tra cộng đồng

Điều tra phỏng vấn thu thập cây thuốc và cách sử dụng cây thuốc trong cộng đồng sử dụng theo phương pháp điều tra mở của Nguyễn Tập (2006) trong cuốn “Nghiên cứu thuốc từ thảo dược” [16].

2.2.3. Phương pháp thu thập và xử lý mẫu

Thời gian thu mẫu, gồm 6 đợt: đợt 1, đợt 2 (tháng 7/2013); đợt 3 (tháng 9/2013); đợt 4, đợt 5 (tháng 10/2013) và đợt 6 (tháng 12/2013). Kết quả thu thập và xác định được 157 cây thuốc chữa bệnh về thận theo sự chỉ dẫn của các thầy thuốc ở tỉnh Thái Nguyên. Mẫu thu được và lưu giữ tại phòng thí nghiệm của trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên.

2.2.4. Phương pháp phân tích và phân loại mẫu vật

Để xác định tên khoa học của cây thuốc, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp hình thái truyền thống, kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia về thực vật và các bộ thực vật chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ) [17], Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi)

[18], Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi) [19], Cây thuốc và động vật làm thuốc Việt Nam [20], Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập I - 2001, Nguyễn Tiên Bản (chủ biên), tập II - 2003 và tập III - 2005) [21],.... Tiến hành lập Danh lục cây thuốc có khả năng chữa bệnh về thận tại khu vực nghiên cứu.

2.2.5. Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn gen cây thuốc

Đánh giá tính đa dạng nguồn gen cây thuốc có khả năng chữa bệnh về thận phân bố tại tỉnh Thái Nguyên dựa theo phương pháp đánh giá của Nguyễn Nghĩa Thìn [22].

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đa dạng nguồn gen cây thuốc có khả năng chữa bệnh về thận phân bố tại tỉnh Thái Nguyên

Qua điều tra, chúng tôi đã thu thập được dữ liệu về kinh nghiệm sử dụng các loài thực vật làm thuốc chữa bệnh thận của các ông lang, bà mẹ thuộc các dân tộc: Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Sán Diu sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Những kinh nghiệm quý báu đó đã được đúc kết thành những tri thức y học dân gian vô cùng phong phú. Đã thu được 157 loài cây thuốc chữa bệnh về thận ở tỉnh Thái Nguyên thuộc 126 chi, 71 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Sự phân bố nguồn gen cây thuốc ở các bậc taxon

Tên ngành		Loài		Chi		Họ	
Tên Latinh	Tên Việt Nam	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lycopodiophyta	Thông đất	1	0,64	1	0,79	1	1,41
Equisetophyta	Cỏ tháp bút	2	1,27	1	0,79	1	1,41
Polypodiophyta	Dương xỉ	4	2,55	3	2,38	3	4,23
Pinophyta	Thông	2	1,27	2	1,59	2	2,82
Magnoliophyta	Mộc lan	148	94,27	119	94,44	64	90,14
Tổng		157	100	126	100	71	100

Trong số 157 loài cây thuốc chữa bệnh về thận thu thập ở khu vực nghiên cứu được tập trung chủ yếu vào ngành Mộc lan (Magnoliophyta) với 64 họ, 119 chi và 148 loài chiếm số lượng tương ứng là 90,14%; 94,44%; 94,27% tổng số họ, chi, loài ở khu vực nghiên cứu. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) xếp thứ hai với số lượng 3 họ chiếm 4,23% tổng số họ; 3 chi chiếm 2,38% tổng số chi; 4 loài chiếm 2,55% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu như: Loài Rau bợ thường (*Marsilea quadrifolia* L.) dùng để chữa sỏi thận; Bông bong nhật - Mực cù sủi (*Lygodium japonicum* (Thunb.) Sw.) được người Dao dùng để chữa sỏi thận; Bông bong leo - Lạt bú (*Lygodium scandens* (L.) Sw.) chữa viêm thận, viêm niệu đạo, lợi tiểu và loài Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Hoffm. Roxb. ex Bory) dùng để chữa bệnh bí tiểu. Các ngành còn lại chiếm tỷ lệ thấp. Ngành Thông đất (Lycopodiophyta) chỉ có 1 họ, 1 chi, 1 loài được sử dụng làm thuốc đó là loài Quyển bá có móc - Kia mia (*Selaginella uncinata* (Desy.) Spring) dùng chữa sỏi thận. Ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) có 1 họ, 1 chi, 2 loài đó là loài Thân đốt xòe - Bút nủ (*Equisetum debile* Roxb), đây là loài thuốc quý có tác dụng chữa bệnh về thận và Thân đốt trườn - Cỏ tháp bút (*Equisetum ramosissimum* Desf.) dùng để chữa các bệnh về thận. Ngành Thông (Pinophyta) có 2 họ, 2 chi, 2 loài chữa bệnh về thận là: Tuế ba lạng sa - Thiên tuế (*Cycas balansae* Warb.), Dây máu - Hàu núi (*Gnetum montanum* Markgr).

Bảng 2. Số lượng họ, chi, loài của 2 lớp trong ngành Mộc lan

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lớp Hành (Liliopsida)	12	18,75	23	19,32	26	17,57
Lớp Mộc lan (Magnoliopsida)	52	81,25	96	80,67	122	82,43
Tổng	64	100	119	100	148	100

Trong ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có sự phân bố cây thuốc không đồng đều: lớp Mộc lan (Magnoliopsida) với 122 loài, 96 chi, 52 họ và lớp Hành (Liliopsida) với 26 loài, 23 chi, 12 họ thể hiện ở bảng 2.

Các loài cây thuốc chữa bệnh về thận trong lớp Mộc lan (Magnoliopsida) như: Vây rồng - Mất trâu (*Desmodium styracifolium* (Osbeck) Merr.) mọc ở xung quanh làng bản hay được trồng trong vườn, dùng để chữa sỏi thận, viêm cầu thận; Hà thủ ô nam - Mã lìn ón (*Streptocaulon juvenas* (Lour.) Merr.) mọc ở đồi thấp, thường dùng sắc uống hoặc ngâm rượu uống chữa viêm cầu thận, bí tiểu tiện; Trung quân wallich - Địa chọp ngau (*Ancistrocladus wallichii* Planch.) sắc uống hoặc ngâm rượu uống chữa đau thận,... Ngoài ra, lớp Mộc lan có một số loài cây thuốc chữa bệnh thận thuộc diện cần được bảo tồn như: Cát sâm - Hay chón (*Callerya speciosa* (Champ. ex Benth.) Schot); Rau sắng - Rau ngót rừng (*Melientha suavis* Pierre); Thân đốt trườn - Cỏ tháp bút (*Equisetum ramosissimum* Desf.),...

Lớp Hành (Liliopsida) tuy kém đa dạng hơn nhưng cũng có chứa nhiều loài cây thuốc có giá trị sử dụng cao như: Khúc khắc - Tỷ giải (*Heterosmilax gaudichaudiana* (Kunth) Maxim.) dùng để uống mát thận, chữa tiểu đái. Kim cang lá mỏng - Củ nâu đỏ (*Smilax riparia* A. DC.) dùng trị thận hư. Trọng lâu nhiều lá - Bầy lá một hoa (*Paris polyphylla* Smith) dùng chữa bệnh thận. Sa nhân - Tập thu chay (*Amomum villosum* Lour.) dùng chữa đau thận,...

Các họ có nhiều loài cây thuốc có khả năng chữa bệnh về thận là: Rubiaceae (12 loài); Euphorbiaceae (10 loài); các họ (Poaceae, Fabaceae, Moraceae) đều có 8 loài; Asteraceae, Menispermaceae và Verbenaceae (5 loài); Myrsinaceae (4 loài); còn lại là các họ có từ 1-3 loài.

Sự đa dạng của các loài cây thuốc còn được thể hiện ở các chi giàu loài, chi có số loài cây thuốc chữa bệnh thận nhiều nhất là chi *Ficus* thuộc họ Moraceae với 6 loài tiêu biểu là: Đa hạch - Đa lông (*Ficus drupacea* Thunb.) lấy vỏ rễ, đun nước uống chữa yếu thận và phù thũng; Vú bò - Pín pát (*Ficus heterophylla* L. f.) lấy rễ, đun nước uống hàng ngày chữa bệnh về thận; Ruối - Ruối nhám (*Streblus asper* Lour.) sử dụng thân, lá sắc nước uống chữa bệnh thận, giúp lợi tiểu,... Các chi *Alocasia*, *Morinda*, *Pandanus* và *Rubus* có số lượng loài là 3 loài. Tại khu vực nghiên cứu có 12 chi có 2 loài chiếm 9,5% là: *Adenosma*, *Cassytha*, *Cissampelos*, *Clerodendrum*, *Costus*, *Cuscuta*, *Dillenia*, *Desmodium*, *Maesa*, *Phyllanthus*, *Smilax* và *Solanum*.

Các cây thuốc được sử dụng để chữa bệnh thận của cộng đồng các dân tộc tại tỉnh Thái Nguyên cũng rất phong phú và đa dạng về bộ phận sử dụng, kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Các bộ phận làm thuốc chữa bệnh về thận

TT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Thân	78	49,68
2	Lá	72	45,86
3	Rễ	54	34,39
4	Cả cây	42	26,75
5	Vỏ	14	8,92
6	Quả	12	7,64
7	Hoa	7	4,46
8	Hạt	5	3,18

Theo kết quả điều tra được tại khu vực nghiên cứu, thân là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 78 loài (chiếm 49,68%) và lá là 72 loài (chiếm 45,86%) so với tổng số loài thu được. Hai bộ phận này được sử dụng nhiều nhất bởi vì nó được thu hái một cách dễ dàng, đồng thời giúp cho việc bảo vệ bền vững, sử dụng lâu dài nguồn tài nguyên cây thuốc. Thân, lá thường được dùng tươi hoặc băm nhỏ phơi khô đun nước uống hàng ngày thay nước, là cách dùng mang lại hiệu quả tối ưu nhất trong việc chữa trị bệnh thận. Ngoài ra, dùng các bộ phận khác như: dùng rễ có 54 loài chiếm 34,39%; dùng cả cây có 42 loài chiếm 26,75%; dùng vỏ có 14 loài chiếm 8,92%; dùng quả có 12 loài chiếm 7,64%; dùng hoa có 7 loài chiếm 4,46% và dùng hạt có 5 loài chiếm 3,18%. Các bộ phận này sử dụng làm thuốc rất hiệu quả, nhưng số lượng không nhiều. Đặc biệt, hoa và

quả chỉ xuất hiện trong khoảng thời gian nhất định, do đó cần có thời điểm khai thác hợp lý để đem lại hiệu quả chữa bệnh.

3.2. Những kinh nghiệm sử dụng cây thuốc chữa bệnh thận của cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên

Trong tổng số 157 loài cây thuốc chữa bệnh về thận ở khu vực nghiên cứu có 47 loài được sử dụng chữa sỏi thận, 40 loài chữa các bệnh về thận, 35 loài lợi tiểu, 25 loài chữa phù thũng, 16 loài chữa viêm cầu thận, còn một số loài được dùng để chữa bệnh thận như: suy thận cấp, thận nhiễm mỡ, giãn bể thận, tiểu buốt, tiểu dắt, tiểu ra máu, tiểu đục, bí tiểu tiện, bỏ thận, đau quặn thận, viêm đường tiết niệu, sỏi đường tiết niệu. Hầu hết, những loài cây thuốc chữa bệnh về thận thường được sử dụng bằng cách sắc uống là chủ yếu. Một số loài được dùng ngâm rượu uống là những loài có tác dụng làm thuốc bổ thận.

Qua điều tra kinh nghiệm sử dụng cây thuốc chữa bệnh thận của cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi thấy rằng, mỗi cây thuốc có những tác dụng chữa bệnh về thận khác nhau, có bệnh chỉ cần dùng một cây thuốc, có bệnh phải cần đến sự kết hợp của nhiều loài cây thuốc thì mới có tác dụng. Mỗi dân tộc lại có những bài thuốc, vị thuốc đặc trưng mang bản sắc truyền thống trong điều trị bệnh về thận. Dưới đây là một số bài thuốc chữa bệnh về thận của các dân tộc ở khu vực nghiên cứu:

Chữa bệnh thận

Bài 1: Chữa bệnh thận (của ông Nguyễn Phúc Liêu – Dân tộc Tày)

1. Cối xay - Phao tôn (*Abutilon indicum* (L.) Sweet) – bộ phận sử dụng: lá. 2. Đu đủ rừng - Cỏ tăng goại (*Trevesia palmata* (Roxb. ex Lindl.) Visan.) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Dứa dại bắc bộ - Dứa dại (*Pandanus tonkinensis* Martelli ex. Stone) – bộ phận sử dụng: quả. 4. Cỏ tranh - Nhà cà (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận sử dụng: rễ. 5. Nhọ nồi - Nhà mí mó (*Eclipta prostrata* (L.) L.) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 6. Ngũ gia bì (*Schefflera octophylla* (Lour.) Harms) – bộ phận sử dụng: rễ. Các vị thuốc trên dùng tươi hoặc phơi khô sắc nước uống hàng ngày.

Bài 2: Các bài thuốc chữa bệnh thận (của ông Ma Đình Được – Dân tộc Tày)

1. Xăng mả thon - Khí uồn (*Carallia lanceaefolia* Roxb.) – bộ phận sử dụng: thân. 2. Ruối - Cỏ soi (*Streblus asper* Lour.) – bộ phận sử dụng: lá. 3. Mía dò - Ói ờng (*Costus speciosus* (Koenig) Smith) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 4. Bạch đồng nữ - Púng pì khảo (*Clerodendrum chinense* var. *simplex* (Mold.) S. L. Chen) – bộ phận sử dụng: rễ. 5. Mã đề trồng - Nhà én (*Plantago major* L.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 6. Cỏ tranh - Nhà cà (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận sử dụng: rễ. 7. Cỏ xước - Nhà khoanh ngù (*Achyranthes aspera* L.) – bộ phận sử dụng: thân, lá.

- **Chữa sỏi thận:** dùng các cây trên, sắc nước uống, sắc càng đặc càng tốt. Uống khoảng 3–4 thang là khỏi.

- **Chữa giãn bể thận:** dùng các cây trong bài thuốc chữa sỏi thận, kết hợp thêm lá của cây Đip đóc (*Fibraurea tinctoria* Lour.) đem sắc nước uống.

- **Chữa đi tiểu đục, tiểu dắt:** dùng các cây trong bài thuốc chữa sỏi thận, kết hợp thêm lá của cây Toong chính đeng (*Phrynium tonkinensis* Gagnep), đem sắc nước uống.

- **Chữa viêm đường tiết niệu:** dùng các cây trong bài thuốc chữa sỏi thận, nhưng tăng thêm lá của cây Ruối - Cỏ soi (*Streblus asper* Lour.) để chống viêm.

- **Chữa phù thận:** dùng các cây trong bài thuốc chữa sỏi thận, kết hợp thêm lá của cây Xương sông (*Blumea lanceolaria* (Roxb.) Druce), đem sắc nước uống.

Bài 3: Chữa bệnh thận (của Hoàng Thị Thành – Dân tộc Sán Chay)

1. Cỏ tháp bút (*Equisetum ramosissimum* Desf.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 2. Bông bong leo (*Lygodium scandens* (L.) Sw.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 3. Cúc chỉ thiên (*Elephantopus scaber* L.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 4. Chặt chịu - Slo díp thẳng (*Tetracera scandens* (L.) Merr.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 5. Mã đề trồng - Bông mã đề (*Plantago major* L.) – bộ phận sử dụng: lá. Các vị thuốc trên phơi khô đun nước uống hàng ngày.

Bài 4: Chữa bệnh thận (của bà Phương Thị Phú – Dân tộc Sán Chay)

1. Cây cô gà (*Desmosdium triflorum* (L.) DC.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 2. Phồng mun khịt (*Lycopodiella cernuua* (L.) Franco & Vasc.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 3. Dây hương – Bò khai (*Erythralum scandens* Blume) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Cá lu mộc nhây (*Actinodaphne rehderiana* (Allen) Kosterm) – bộ phận sử dụng: rễ. Các vị thuốc trên đun nước uống hàng ngày.

Chữa sỏi thận**Bài 1: Chữa sỏi thận** (của ông Nông Văn Ái – Dân tộc Nùng)

1. Hèo nam (*Lasia spinosa* (L.) Theswait.) – bộ phận sử dụng: củ. 2. Phàn lừng (*Cissampelos pareira* L.) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Cây tre (?) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Găng gật (?) – bộ phận sử dụng: thân. 5. Cây Phày bông (*Psychotria rubra* (Lour.) Poir.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 6. Cây Rung rúc (?) – bộ phận sử dụng: thân, củ. 7. Cây Rung riú (?) – bộ phận sử dụng: thân. 8. Cây Đu đủ (?) – bộ phận sử dụng: rễ. 9. Cây Gấm vàng (?) – bộ phận sử dụng: thân. Tất cả các bộ phận trên được băm nhỏ phơi khô, sắc nước uống.

Bài 2: Chữa sỏi thận (của ông Liêu Văn Đại – Dân tộc Nùng)

1. Hèo nam (*Lasia spinosa* (L.) Theswait.) – bộ phận sử dụng: củ. 2. Phàn lừng (*Cissampelos pareira* L.) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Cây tre (?) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Găng gật (?) – bộ phận sử dụng: thân. Tất cả các bộ phận trên được băm nhỏ phơi khô sắc nước uống.

Bài 3: Chữa sỏi thận (của bà Đặng Thị Tam – Dân tộc Dao)

1. Tu hú bà – Mâm xôi (*Rubus alceaefolius* Poir.) – bộ phận dùng: lá, rễ. 2. Sặt ay đeng – Bọt ếch lông (*Glochidion eriocarpum* Champ.) – bộ phận dùng: thân gốc. 3. Bí – Sặt tàu petelot (*Sinarundinaria petelotii* (A. Camus) T. Q. Nguyen) – bộ phận dùng: thân. 4. Kia mia – Quyền bá có móc (*Selaginella uncinata* (Desy.) Spring) – bộ phận dùng: cả cây. 5. Cây Đuôi lươn (?) – bộ phận dùng: rễ. 6. Cỏ gianh – Cỏ tranh (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận dùng: rễ. Các vị thuốc trên phơi khô, nấu nước uống hàng ngày.

Bài 4: Chữa sỏi thận (của ông Triệu Sinh Tiến – Dân tộc Dao)

1. Chuối rừng (?) – bộ phận dùng: hạt. 2. Đeng mò hây – cối xay (*Abutilon indicum* (L.) Sweet) – bộ phận dùng: lá. 3. Địa chùn – Địa đụn (*Heliciopsis lobata* (Merr.) Sleum.) – bộ phận dùng: rễ. 4. Địa sản – Thanh phong hoa nhỏ (*Sabia parviflora* Wall. ex Roxb.) – bộ phận dùng: rễ, lá. 5. Mất trâu – Vây rồng (*Desmodium styracifolium* (Osbeck) Merr.) – bộ phận dùng: thân, lá. 6. Mực cù sủi - Bồng bong nhật (*Lygodium japonicum* (Thunb.) SW.) – bộ phận dùng: thân leo, lá. 7. Nhọ nổi – Cỏ mực (*Eclipta prostrata* (L.) L.) – bộ phận dùng: thân, lá. 8. Hăng chà mia – Mã đề trồng (*Plantago major* L.) – bộ phận dùng: lá. 9. Chù dày khăng huây – Mộc thông (*Iodes cirhosa* Turcz.) – bộ phận dùng: thân leo. 10. Cỏ gianh – Cỏ tranh (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận dùng: rễ. Các vị thuốc trên đem phơi khô, sao chín thơm nấu nước uống, uống 2 lít nước trong một ngày.

Bài 5: Chữa sỏi thận (của ông Bàn Như Tiến – Dân tộc Dao)

1. Xìa lau qua – Dưa chuột đại (*Zehneria indica* (Lour.) Keraudren) – bộ phận dùng: thân, lá. 2. Lầu kim piểu – Dừa bắc bộ (*Pandanus tonkinensis* Martelli ex B. Stone) – bộ phận dùng: quả, thân. 3. Lụa chặm bày (?) – bộ phận dùng: thân, lá. 4. Bí – Sặt tàu petelot (*Sinarundinaria petelotii* (A. Camus) T. Q. Nguyen) – bộ phận dùng: thân. 5. Cỏ gianh – Cỏ tranh (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận dùng: thân rễ. Các vị thuốc trên phơi khô, nấu nước uống hàng ngày. Một ngày nên uống từ 2 lít nước trở lên.

Bài 6: Chữa sỏi thận (của bà Trần Thị Hây – Dân tộc Sán Chay)

1. Cườm gạo - Á sậu chay (*Coix lacryma – jobi* L.) – bộ phận sử dụng: thân. 2. Ngái lông – Ngái (*Ficus hirta* Vahl) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Ém péc (?) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Cỏ may (*Chrysopogon aciculatus* (Retz.) Trin.) – bộ phận sử dụng: thân. 5. Cẩng dương choọc (?) – bộ phận sử dụng: thân. Các vị thuốc trên phơi khô, sao vàng, nấu nước uống hàng ngày thay nước, mỗi loại một vốc. Khi nào nhạt đổ đi thay ấm mới.

Bài 7: Chữa sỏi thận (của ông Ma Tuấn Ý – Dân tộc Tày)

1. Nhót hoa không cuống - Loót cay (*Elaeagnus conferta* ssp. *balansae* Serv.) – bộ phận sử dụng: rễ. 2. Xăng mã thon - Khí uồn (*Carallia lanceaefolia* Roxb.) – bộ phận sử dụng: rễ. 3. Ruối - Cỏ soi (*Streblus asper* Lour.) – bộ phận sử dụng: rễ. 4. Chanh kiên - Mặc chảnh (*Citrus limonia* Osb.) – bộ phận sử dụng: rễ. 5. Mã đề trồng - Nhà én (*Plantago major* L.) – bộ phận sử dụng: rễ. 6. Cỏ tranh - Nhà cà (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận sử dụng: rễ. 7. Cúc chi thiên - Pâu vậ (*Elephantopus scaber* L.) – bộ phận sử dụng: rễ. 8. Khi mù guộc (*Verbena officinalis* L.) – bộ phận sử dụng: rễ. Dùng rễ các cây bấm nhỏ, sao vàng hạ thổ, sắc nước uống.

Chữa viêm cầu thận

Bài 1: Chữa viêm cầu thận (của ông Nông Văn Ái – Dân tộc Nùng)

1. Hèo nam (*Lasia spinosa* (L.) Theswait.) – bộ phận sử dụng: củ. 2. Phàn lừng (*Cissampelos pareira* L.) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Cây tre (?) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Nam cẳng (*Randia dasycara* (Kurz) Bakh.f.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 5. Cây Phày Boồng (*Psychotria rubra* (Lour.) Poir.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 6. Cây Rung rúc (?) – bộ phận sử dụng: thân, củ. 7. Cây Rung riu (?) – bộ phận sử dụng: thân. 8. Tâu chó (*Costus speciosus* (Koenig) Smith) – bộ phận sử dụng: củ. Tất cả các bộ phận trên được bấm nhỏ phơi khô sắc nước uống.

Bài 2: Chữa viêm cầu thận (của ông Triệu Sinh Tiến – Dân tộc Dao)

1. Mật quý - Nhàu tán (*Morinda umbellata* L.) – bộ phận sử dụng: thân. 2. Dây kim ngân (?) – bộ phận sử dụng: hoa, lá, thân. 3. Thùng mua đeng (?) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Mắt trâu - Vây rông (*Desmodium styracifolium* (Osbeck) Merr.) – bộ phận sử dụng: lá, thân. 5. Nhân trần - Nhân trần (*Adenosma caeruleum* R. Br.) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 6. Mùa hồ đòi (?) – bộ phận sử dụng: rễ củ. 7. Nọ a châu - Cườm gạo (*Coix lacryma – jobi* L.) – bộ phận sử dụng: quả, lá, thân. Các vị thuốc trên phơi khô, sao chín, nấu nước uống hàng ngày.

Chữa phù thũng

Bài 1: Chữa phù (của ông Bàn Như Tiến – Dân tộc Dao)

1. Địa pín nhàu - Mỏ bao trứng ngược (*Rhynchotechum ellipticum* (Wall. ex Dietr.) A. DC) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 2. Tam tạng (Địa sàng phiu) – Vai trắng (*Daphniphyllum calycinum* Benth.) – bộ phận dùng: thân, lá. 3. Trần mao huây - Dây đau xương (*Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.) – bộ phận sử dụng: thân leo. 4. Lá gôm (?) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 5. Bò bò - Bò bò (*Adenosma indiana* (Lour.) Merr.) – bộ phận dùng: cả cây. Các vị thuốc trên dùng tươi hoặc phơi khô nấu nước uống hàng ngày.

Bài 2: Bài thuốc tắm chữa phù thũng (của bà Đặng Thị Liễu – Dân tộc Dao)

1. Tam tạng (Địa sàng phiu) – Vai trắng (*Daphniphyllum calycinum* Benth.) – bộ phận dùng: thân, lá. 2. Bà Bông – Chu đặng lá đẹp (*Periploca calophylla* (Wight) Falc.) – bộ phận dùng: thân, lá. 3. Bò bò – Bò bò (*Adenosma indiana* (Lour.) Merr.) – bộ phận dùng: cả cây. 4. Đeng mò hây – Cối xay (*Abutilon indicum* (L.) Sweet) – bộ phận dùng: lá. Các bộ phận trên dùng tươi, nấu nước tắm.

Bài 3: Chữa phù thũng (của ông Vương Vũ Quyền – Dân tộc Tày)

Dùng lá của các cây: Đơn núi - Chập cỏ dè (*Maesa montana* A. DC.), Màng tang - Kháo khinh (*Litsea cubeba* (Lour.) Pers.), Sỗ bà - Cỏ tum (*Dillenia indica* L.), Tầm gửi tre.

Kết hợp với rễ của các cây: Lá lốt - Sắc lốt (*Piper lolot* C. DC.), Xương sông (*Blumea lanceolaria* (Roxb.) Druce), Trinh nữ - Cỏ thẹn (*Mimosa pudica* L.), Bưởi bung - Pục đại (*Glycosmis parviflora* (Sims) Little). Dùng lá và rễ của các cây trên đun nước tắm hàng ngày.

Bổ thận

Bổ thận – Dân tộc Dao

1. Các cò bẻng – Bồ cốt toái (*Drynaria fortunei* (Kuntz ex Mett.) J. Smith) – bộ phận dùng: rễ củ. Cạo sạch vỏ, lông, thái nhỏ, phơi khô, ngâm rượu uống.

Chữa đường tiết niệu

Bài 1: Chữa đi tiểu vàng do thận yếu (của ông Dương Công Chiến – Dân tộc Tày)

1. Cúc chi thiên - Pâu vậ (*Elephantopus scaber* L.) – bộ phận sử dụng: rễ. 2. Chua méo - Tầm cùi (*Embelia laeta* (L.) Mez) – bộ phận sử dụng: rễ. 3. Mã đề trồng - Nhà én (*Plantago*

major L.) – bộ phận sử dụng: rễ. **4.** Cỏ tranh - Nhả cà (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.) – bộ phận sử dụng: rễ. Dùng rễ các cây rửa sạch, phơi khô, sắc nước uống hàng ngày.

Bài 2: Chữa đi tiểu buốt, tiểu đục (của ông Lương Văn Vàng – Dân tộc Tày)

1. Núc nác - Pắc cả (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz) – bộ phận sử dụng: vỏ. **2.** Bút nùn - Thân đốt xòe (*Equisetum diffusum* D. Don) – bộ phận sử dụng: cả cây. **3.** Huyết dụ - Lẳng linh đặng (*Cordyline fruticosa* (L.) Goepp.) – bộ phận sử dụng: lá. **4.** Rau má - Phắc chèn (*Centella asiatica* (L.) Urb. in Mart.) – bộ phận sử dụng: cả cây. **5.** Ngô (*Zea mays* L.) – bộ phận sử dụng: hoa. Dùng vỏ, lá và cây đem phơi khô trong bóng râm, băm nhỏ, sắc nước uống, ngày uống 3 - 4 lần.

Bài 3: Chữa đi tiểu ra máu (của ông Luân Đức Trường – Dân tộc Tày)

1. Phèn đen - Mạy tềng (*Phyllanthus reticulatus* Poir.) – bộ phận sử dụng: rễ. **2.** Nỏ quả trắng - Tềng co (*Flueggea virosa* (Roxb. ex Willd.) Voigt) – bộ phận sử dụng: rễ. **3.** Ruồi - Cỏ soi (*Streblus asper* Lour.) – bộ phận sử dụng: rễ. **4.** Mã đề trồng - Nhả én (*Plantago major* L.) – bộ phận sử dụng: rễ. **5.** Cúc chỉ thiên - Pâu vậy (*Elephantopus scaber* L.) – bộ phận sử dụng: rễ. **6.** Dây hương - Sắc hiển (*Erythralium scandens* Blume) – bộ phận sử dụng: rễ. **7.** Cỏ pình (?) – bộ phận sử dụng: thân, lá. Các vị thuốc trên băm nhỏ, sao khô sắc nước uống hàng ngày.

Thông qua việc thống kê các bài thuốc chữa bệnh thận cho thấy, mỗi dân tộc đều có sự khác nhau về số lượng các bài thuốc và vị thuốc. Trong đó, bài thuốc chữa bệnh thận có 4 bài; chữa sỏi thận có 7 bài; chữa viêm cầu thận có 2 bài; chữa phù thũng có 3 bài; bổ thận 1 bài; chữa bệnh liên quan đến đường tiết niệu có 3 bài. Trong số các bài thuốc chữa bệnh về thận thu thập được ở khu vực nghiên cứu, bài thuốc chữa sỏi thận có số lượng nhiều nhất và được kết hợp nhiều vị thuốc nhất trong cùng một bài. Mỗi dân tộc dùng một vị thuốc khác nhau để chữa cùng một bệnh, tuy nhiên theo các ông lang, bà mẹ thì hầu hết các cây thuốc được dùng để chữa các bệnh về thận thì đều có vị đắng, tính mát, chống tiêu viêm. Có những bài thuốc chỉ cần 1 cây cũng có thể chữa như bài thuốc bổ thận của dân tộc Dao, chỉ cần sử dụng rễ củ của loài Các cò bẻng – Bồ cốt toái (*Drynaria fortunei* (Kuntz ex Mett.) J. Smith) ngâm rượu uống. Bên cạnh đó, có những bài thuốc thì cần phải kết hợp nhiều vị mới mang lại hiệu quả. Một số loài được các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Chay cùng sử dụng chữa bệnh về thận, sỏi thận, viêm thận là: Ruồi - Cỏ soi (*Streblus asper* Lour.), Mã đề trồng - Nhả én (*Plantago major* L.), Cỏ tranh - Nhả cà (*Imperata cylindrica* (L.) Beauv.), Cúc chỉ thiên - Pâu vậy (*Elephantopus scaber* L.). Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc chữa các bệnh về thận của cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên rất phong phú và đặc sắc, cần được bảo tồn và lưu giữ cho thế hệ sau.

4. Kết luận

Đã thu thập được 157 loài thực vật có công dụng làm thuốc chữa bệnh thận thuộc 126 chi, 71 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó, thống kê được 9 họ đa dạng loài nhất: Rubiaceae (12 loài), Euphorbiaceae (10 loài), Poaceae (8 loài), Fabaceae (8 loài), Moraceae (8 loài), Asteraceae (5 loài), Menispermaceae (5 loài), Myrsinaceae (4 loài) và có 13 chi có số lượng từ 2 loài cây thuốc trở lên trong tổng số 126 chi gồm: chi *Ficus* có 6 loài; các chi có 3 loài là: *Alocasia*, *Morinda*, *Pandanus*, *Rubus*; các chi có 2 loài là: *Adenosma*, *Cassytha*, *Cissampelos*, *Clerodendrum*, *Costus*, *Cuscuta*, *Dillenia*, *Desmodium*, *Phyllanthus*, *Smilax*, *Solanum*.

Thống kê được 20 bài thuốc chữa các bệnh về thận của cộng đồng các dân tộc tại tỉnh Thái Nguyên, trong đó bài thuốc chữa bệnh thận có 4 bài; chữa sỏi thận có 7 bài; chữa viêm cầu thận có 2 bài; chữa phù thũng có 3 bài; bổ thận 1 bài; chữa bệnh liên quan đến đường tiết niệu có 3 bài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] C. Long, S. Li, B. Long, Y. Shi, and B. Liu, "Medicinal plants used by the Yi ethnic group: a case study in central Yunnan," *J Ethnobiology Ethnomedicine*, vol. 5, no. 1, p. 13, Dec. 2009, doi: 10.1186/1746-4269-5-13.
- [2] L. Hong *et al.*, "Ethnobotanical study on medicinal plants used by Maonan people in China," *J Ethnobiol Ethnomed*, vol. 11, p. 32, Apr. 2015, doi: 10.1186/s13002-015-0019-1.

- [3] X. Zhang *et al.*, "A review of the traditional uses, phytochemistry, pharmacology and quality control of the ethnic medicinal plant *Persicaria orientalis* (L.) Spach in China," *Journal of Ethnopharmacology*, p. 113521, Oct. 2020, doi: 10.1016/j.jep.2020.113521.
- [4] B. Malla, D. P. Gauchan, and R. B. Chhetri, "An ethnobotanical study of medicinal plants used by ethnic people in Parbat district of western Nepal," *Journal of Ethnopharmacology*, vol. 165, pp. 103-117, May 2015, doi: 10.1016/j.jep.2014.12.057.
- [5] H. G. Ong and Y.-D. Kim, "Medicinal plants for gastrointestinal diseases among the Kuki-Chin ethnolinguistic groups across Bangladesh, India, and Myanmar: A comparative and network analysis study," *Journal of Ethnopharmacology*, vol. 251, p. 112415, Apr. 2020, doi: 10.1016/j.jep.2019.112415.
- [6] H. Wang and X. Wang, "Medical Ethics Education in China," in *Bioethics Education in a Global Perspective*, vol. 4, H. A. M. J. ten Have, Ed. Dordrecht: Springer Netherlands, 2015, pp. 81-92, doi: 10.1007/978-94-017-9232-5_7.
- [7] R. E. Eckles, E. M. Meslin, M. Gaffney, and P. R. Helft, "Medical Ethics Education: Where Are We? Where Should We Be Going? A Review," *Academic Medicine*, vol. 80, no. 12, pp. 1143-1152, Dec. 2005, doi: 10.1097/00001888-200512000-00020.
- [8] S. Adoriso *et al.*, "Integration of Traditional and Western Medicine in Vietnamese Populations: A Review of Health Perceptions and Therapies," *Nat Prod Commun*, vol. 11, no. 9, pp. 1409-1416, Sep. 2016.
- [9] C. Lee *et al.*, "Ethnobotanical study on medicinal plants used by local Van Kieu ethnic people of Bac Huong Hoa nature reserve, Vietnam," *Journal of Ethnopharmacology*, vol. 231, pp. 283-294, Mar. 2019, doi: 10.1016/j.jep.2018.11.006.
- [10] K. Peltzer, S. Pengpid, A. Puckpinyo, S. Yi, and L. Vu Anh, "The utilization of traditional, complementary and alternative medicine for non-communicable diseases and mental disorders in health care patients in Cambodia, Thailand and Vietnam," *BMC Complement Altern Med*, vol. 16, no. 1, p. 92, Dec. 2016, doi: 10.1186/s12906-016-1078-0.
- [11] T. T. H. Le and N. T. Nguyen, "The situation of using medicinal plant resources of the Tay ethnic people in Dinh Hoa district, Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science & Technology*, vol. 65, no. 3, pp. 121-125, 2010.
- [12] T. T. H. Le, N. T. Nguyen, T. T. Nguyen, and T. N. Y. Nguyen, "Investigation of medicinal plant species and their use value according to the experience of the Nung ethnic group in Tan Thanh commune, Phu Binh district, Thai Nguyen province," *Journal of Science and Technology - Vietnam Academy of Science*, no. 3E, pp. 1226-1234, 2013.
- [13] T. T. H. Le, T. N. Duong, and N. T. Nguyen, "Investigation of experience in using medicinal plants of Dao ethnic people in Hop Tien commune, Dong Hy district, Thai Nguyen province," *Journal of Medicinal Materials - Institute Medicinal materials*, vol. 16, no. 3, pp. 145-150, 2011.
- [14] T. T. H. Le, T. P. Nguyen, T. T. Nguyen, and N. T. Nguyen, "Investigation of medicinal plants and experience of using medicinal plants of the San Chi ethnic group in Phu Luong district, Thai Nguyen province," *Journal of Medicinal Materials - Institute of Medicine*, vol. 17, no. 1, pp. 3-8, 2012.
- [15] T. T. H. Le, D. P. Ngo, T. T. Hoang, T. A. Dinh, T. T. Nguyen, and N. T. Nguyen, "Investigation of medicinal plants and their use values based on experience of the San Diu ethnic group in Thai Nguyen province," *Journal of Science - Hanoi National University*, ISSN 0866-8612, vol. 30, no. 3, pp. 7-16, 2014.
- [16] Institute of Medicinal Materials, *Research on herbal medicines*. Science and Technology Publishing House, 2006, pp. 33-60.
- [17] H. H. Pham, *Vietnamese plants*. Young publishing House, Ho Chi Minh city, 2000.
- [18] V. C. Vo, *Dictionary of Vietnamese medical plants*. Medical publishing house, 2012.
- [19] T. L. Do, *Vietnamese medicinal plants*. Medical publishing house, 2005.
- [20] H. B. Do, X. C. Bui, T. D. Nguyen, T.D. Do, V. H. Pham, N. L. Vu, D. M. Pham, K. M. Pham, T. N. Doan, T. Nguyen, and T. Tran, *Medicinal plants and medicinal animals in Vietnam*, volume I, II. Hanoi Science and Technology Publishing House, 2003.
- [21] Center for Natural Resources and Environment Research - Hanoi National University, Institute of Ecology and Biological Resources - National Center for Natural Science and Technology, *List of plant species in Vietnam*, volume I, II, III. Hanoi Agricultural Publishing House, 2001-2005.
- [22] N. T. Nguyen, *Research Methods in Plant Sciences*. Hanoi National University Publishing House, 2007.